

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/DS-ST
Ngày 29-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản và thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hoàng;

Ông Ngô Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trần Tuyết Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:56/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S1; địa chỉ trụ sở: số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (hiện nay là số số 128, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1991; địa chỉ liên lạc: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (hiện nay là khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh); Văn bản uỷ quyền ngày 01/01/2024, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài S, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (hiện nay là khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh) vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người

đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S1 trình bày:

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thì Công ty cổ phần S1 (sau đây gọi tắt là Công ty S1) đang hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản.

Ngày 04/7/2024, anh S và Chi nhánh T2 - Công ty TNHH S2 có ký Hợp đồng cầm cố tài sản số 3TM240701003NA21X và thoả thuận thuê tài sản, tài sản cầm cố: xe mô tô 02 bánh biển số 70D1-707.89, loại xe YAMAHA MX KING 150; số khu: MH3UG075MK096122; số máy: G3F6E0636490. Giấy CN đăng ký xe số 001764 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/9/2023.

Số tiền cầm cố 11.329.787 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 04/7/2024 đến ngày 04/7/2025).

Lãi suất cầm cố: 1,1% số tiền cầm cố/tháng.

Phí cầm cố: 0,5% số tiền cầm cố/tháng.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất của số tiền nợ gốc quá hạn, tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Công ty đã giải ngân cho anh S số tiền 11.329.787 đồng, từ ngày 04/11/2024 anh S đã vi phạm cam kết giữa hai bên không thanh toán tiền cho Công ty, tính đến ngày 17/12/2024 anh S đã trả được 4.719.000 đồng, trong đó gốc 3.058.292 đồng, lãi suất 243.360 đồng, tiền phí 110.618 đồng, tiền thuê tài sản 1.223.617 đồng.

Đến nay còn nợ lại tổng cộng 15.748.130 đồng, trong đó: Tiền gốc 8.361.568 đồng; Tiền thuê tài sản (611.808 đồng x 8 tháng) = 4.894.464 đồng; Lãi cố định số tiền 536.533 đồng; Lãi quá hạn 0,55%/tháng số tiền 268.266 đồng; Phí phạm vi phạm 1.124.866 đồng; Phí quản lý hồ sơ 562.433 đồng.

Công ty yêu cầu anh S trả số tiền 15.748.130 đồng, từ ngày hoà giải đến khi Toà án xét xử xong vụ án Công ty không yêu cầu trả thêm khoản tiền nào khác.

Nhưng sau khi bản án có hiệu lực anh S không trả tiền thì tiếp tục phải thanh toán tiền lãi theo như hợp đồng hai bên đã thoả thuận.

Bị đơn anh Nguyễn Hoài S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh S như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản; hợp đồng thuê tài sản buộc anh Nguyễn Hoài S có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 15.748.130 đồng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần S1 Có Ngay khởi kiện anh Nguyễn Hoài S, cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (hiện nay khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh) về hợp đồng cầm cố, thuê tài sản, xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thuê tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh) theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh S đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố:

Công ty cổ phần S1 Có Ngay cung cấp Hợp đồng cầm cố số 3TM240701003NA21X và thỏa thuận thuê tài sản, tài sản cầm cố: xe mô tô 02 bánh biển số 70D1-707.89, loại xe YAMAHA MX KING 150; số khu: MH3UG075MK096122; số máy: G3F6E0636490. Giấy CN đăng ký xe số 001764 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/9/2023, giữa Công ty và anh S, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc 11.329.787 đồng; Phụ lục Hợp đồng cầm cố; Giấy mượn xe; Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm và các tài liệu có liên quan; Thỏa thuận thuê tài sản ngày 04/7/2024.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh S nhưng anh không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như là anh S đồng ý, không phản đối lời trình bày và các chứng cứ do Công ty cung cấp.

Do đó, có căn cứ xác định Hợp đồng cầm cố số 3TM240701003NA21X ngày 04/7/2024, Phụ lục hợp đồng cầm cố, các tài liệu có liên quan và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của Công ty về việc anh S chưa thanh toán xong tiền nợ của cho Công ty là có thật.

[3.2] Xét nội dung Hợp đồng cầm cố và Phụ lục hợp đồng cầm cố; thỏa thuận thuê tài sản phù hợp quy định tại các Điều 309, 311, 312, 313, 314 và Điều 472, 473, 474, 476, 481 của Bộ luật Dân sự nên hợp pháp. Công ty xác định từ ngày 04/11/2024, anh S đã ngưng thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi nên anh S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 3 Điều 311 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu anh S phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi, phí quản lý hồ sơ là có căn cứ. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1, buộc anh S có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền tổng cộng 15.748.130 đồng, trong đó:

Tiền gốc 8.361.568 đồng;

T1 thuê xe mỗi tháng (611.808 đồng x 8 tháng)= 4.894.464 đồng;

Lãi suất cố định 1,1%/ tháng = 8.361.568 đồng 1,1% x 175 ngày/30 ngày = 536.533 đồng;

Lãi quá hạn 0,55% x 8.361.568 đồng x 175 ngày/30 ngày = 268.266 đồng

Phí phạm vi phạm 1.124.866 đồng;

Phí quản lý hồ sơ 562.433 đồng.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 787.406 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 10, 309, 311, 312, 313, 314 và Điều 472, 473, 474, 476, 481 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đối với anh Nguyễn Hoài S về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản; hợp đồng thuê tài sản.

Buộc anh Nguyễn Hoài S có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay số tiền 15.748.130 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm ba mươi) đồng. Trong đó: nợ gốc 8.361.568 đồng; tiền thuê xe 4.894.464 đồng; tiền nợ lãi cố định 536.533 đồng; tiền nợ lãi quá hạn 268.266 đồng; phí phạm vi

1.124.866 đồng; phí quản lý hồ sơ 562.433 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cầm cố.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hoài S chịu án phí 787.406 (Bảy trăm, tám mươi bảy nghìn, bốn trăm lẻ sáu) đồng.

Công ty cổ phần S1 Có Ngay không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay số tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 302.000 (Ba trăm lẻ hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010462 ngày 25-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng Th.tra, K.tra và THA TAND t. Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 10 - Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đỗ Thị Hương